

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:		
1.1. Giải pháp kỹ thuật:		
1.1.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không trình bày	Không đạt
1.1.2. Giải pháp kỹ thuật thi công theo nội dung tại Chương V, HSMT và hồ sơ thiết kế được phê duyệt	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1.1, 1.1.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
1.2. Biện pháp tổ chức thi công:		
1.2.1. Tính khả thi về công tác tổ chức thi công	Có giải pháp tổ chức mặt bằng thi công, sơ đồ mặt bằng thi công, giải	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

	pháp trac đặc để định vị công trình, công tác chuẩn bị khởi công, quá trình thi công, công tác hoàn trả mặt bằng phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.	
	Có giải pháp tổ chức thi công chưa đầy đủ, chưa hợp lý hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng nhưng chưa đầy đủ hoặc không có giải pháp.	Không đạt
1.2.2. Biện pháp thi công các công việc, hạng mục công trình theo nội dung tại Chương V, HSMT và hồ sơ thiết kế được phê duyệt	Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, đúng trình tự và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo nội dung tham chiếu tại chương V của HSMT phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với các hạng mục công trình. Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với hạng mục công trình theo nội dung tại Chương V, HSMT và bản vẽ thiết kế thi công.	Đạt
	Không có biện pháp hoặc có biện pháp tổ chức thi công sơ sài, thiếu sót, không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo nội dung tham chiếu tại chương V của HSMT và bản vẽ thiết kế thi công. Không có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với hạng mục công trình theo nội dung tại Chương V, HSMT và bản vẽ thiết kế thi công.	Không đạt
1.2.3 Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công.	Có bản vẽ và thuyết minh thể hiện phương án, biện pháp tổ chức đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công khả thi và phù hợp với kế hoạch, tiến độ thi công.	Đạt
	- Có bản vẽ và thuyết minh thể hiện phương án và biện pháp tổ chức đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công, nhưng không phù hợp theo quy định hoặc không khả thi; hoặc thể hiện không rõ ràng; không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khi tham gia giao thông (rào chắn, biển báo, nhân công điều khiển,...).	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3 được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
2. Biện pháp tổ chức thi công:		
2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày có tính đến điều kiện	Đạt

công đến khi đủ điều kiện nghiệm thu đưa vào sử dụng không quá 60 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	thời tiết.	
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 60 ngày.	Không đạt
2.2. Biểu tiến độ thi công, bao gồm: Biểu tiến độ thi công chi tiết hạng mục công trình; Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị; Biện pháp bù, đẩy nhanh tiến độ khi cần thiết.	Có Biểu tiến độ thi công chi tiết cho các hạng mục chính nêu trên của gói thầu tương ứng với các mũi thi công. Biểu tiến độ thi công chi tiết phải hợp lý, khả thi và phù hợp với kế hoạch, biện pháp thi công kèm theo biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị. Quá trình lập biểu tiến độ chi tiết phải có phân tích điều kiện thời tiết khu vực ảnh hưởng bất lợi tới tiến độ thi công (như: mùa mưa bão,...) để đề xuất biện pháp bù, đẩy nhanh tiến độ khi cần thiết.	Đạt
	Có Biểu tiến độ nhưng không đầy đủ các hạng mục chính nêu trên của gói thầu, hoặc không phù hợp với kế hoạch thi công hoặc không khả thi hoặc không phân tích cho trường hợp thời tiết bất lợi (như: mùa mưa bão,...).	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
3. Cách thức quản lý dự án:		
3.1. Tổ chức quản lý công tác thi công	Đề xuất kế hoạch tổ chức quản lý công tác thi công phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế thi công xây dựng	Đạt
	Không đề xuất kế hoạch tổ chức quản lý công tác thi công hoặc có đề xuất kế hoạch tổ chức quản lý công tác thi công nhưng không phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế thi công xây dựng	Không đạt
3.2. Tổ chức quản lý hiện trường	Đề xuất kế hoạch tổ chức quản lý hiện trường phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế thi công xây dựng.	Đạt

	Không đề xuất kế hoạch tổ chức quản lý hiện trường hoặc có đề xuất kế hoạch tổ chức quản lý hiện trường nhưng không phù hợp với quy mô, điều kiện thực tế thi công xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:		
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
4.3. Sửa chữa hư hỏng	Có nêu giải pháp sửa chữa, khắc phục các thiết bị, cấu kiện bị hư hỏng.	Đạt
	Không nêu giải pháp sửa chữa, khắc phục các thiết bị, cấu kiện bị hư hỏng.	Không đạt
4.4. Quản lý hồ sơ chất lượng công trình	Có nêu quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ, báo cáo chủ đầu tư.	Đạt
	Không nêu quy trình lập và quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thi công xây dựng, nghiệm thu; quy trình và hình thức báo cáo nội bộ, báo cáo chủ đầu tư.	Không đạt
Kết luận	Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
5.1. An toàn lao động:		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, có sơ đồ tổ chức hệ thống an toàn	Đạt

hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	lao động khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và chỉ dẫn kỹ thuật tại Chương V. Có biện pháp tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động, biện pháp an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, biện pháp bảo đảm an toàn cho cư dân xung quanh khu vực.	
	Không có biện pháp an toàn lao động, không có biện pháp tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động, biện pháp an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, biện pháp bảo đảm an toàn cho cư dân xung quanh khu vực, không có sơ đồ tổ chức hệ thống an toàn lao động hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và chỉ dẫn kỹ thuật tại Chương V.	Không đạt

5.2. Phòng cháy, chữa cháy

Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt

5.3. Vệ sinh môi trường

Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, có sơ đồ tổ chức về quản lý vệ sinh môi trường khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và chỉ dẫn kỹ thuật tại Chương V. Có bản vẽ sơ họa vị trí đổ chất thải xây dựng hợp lý, khả thi với biện pháp thi công và hồ sơ thiết kế (có hình ảnh kèm theo)	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, sơ đồ tổ chức về quản lý vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường và sơ đồ tổ chức về quản lý vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và chỉ dẫn kỹ thuật tại Chương V. Không có hoặc có bản vẽ sơ họa vị trí đổ chất thải xây dựng nhưng không hợp lý, khả thi với biện pháp thi công và hồ sơ thiết kế.	Không đạt

Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt
6. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:		
Có văn bản cam kết kèm theo.	<p>- Có văn bản cam kết kèm theo:</p> <p>a) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;</p> <p>b) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;</p> <p>c) Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;</p> <p>d) Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>e) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>h) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;</p> <p>i) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo</p>	Đạt

	cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước. k) Nhà thầu không bị chủ đầu tư/tổ chuyên gia hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc ra thông báo hoặc báo cáo đánh giá nhà thầu có hành vi gian lận cung cấp thông tin không trung thực trong đấu thầu theo Luật Đấu thầu	
	Không đáp ứng một trong các tiêu chí trên	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng đủ tiêu chí được xác định là đạt	Đạt
	Không đáp ứng tiêu chí được xác định là không đạt.	Không đạt
7. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng hoặc không có đề xuất bảo hành.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng đủ tiêu chí được xác định là đạt	Đạt
	Không đáp ứng tiêu chí được xác định là không đạt.	Không đạt
8. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu xây dựng:		
Đối với các vật tư, vật liệu chính: 1) Cát; 2) Đá 0,50x1, 1x2, 2x4, 4x6, cấp phối đá dăm, đá hộc và Đá cấp phối $d_{max} \leq 6$; 3) Giấy dầu; 4) Nhựa đường; 5) Xi măng; 6) Thép các loại; 7) Sơn;	Có bản scan gốc hoặc chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cho tất cả các loại vật tư, vật liệu theo yêu cầu. (Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này không dùng chung cho các dự án hay công trình khác của nhà thầu). Đối với vật liệu cát, đá đơn vị cung cấp phải có giấy phép khai thác vật liệu của cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực. Kèm theo: Bản scan giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp. Nhà thầu phải có cam kết vật tư, vật liệu nhà thầu sử dụng cho gói thầu này là hợp pháp và có nguồn gốc rõ ràng. Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng đủ tiêu chí được xác định là đạt	Đạt
	Không đáp ứng tiêu chí được xác định là không đạt.	Không đạt